

Số: 41/2020/QĐST- HNGĐ

Hải Dương, ngày 23 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con.

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Minh Tân.

Thư ký phiên họp: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp:

Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 192/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020, về việc *Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 131/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/12/2020 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên họp số 01/2020/TB-TA ngày 14/12/2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Nguyễn Xuân T**, sinh năm 1985.

ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Ng, huyện C, tỉnh Hải Dương.
Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Chị **Trần Thị T1**, sinh năm 1992.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã Ng, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: H, -shi, ku, Y 5-13-3-215 (Nhật Bản). Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của chị Tuyên: Anh **Nguyễn Xuân T**, sinh ngày 25/02/1985. ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Ng, huyện C, tỉnh Hải Dương (theo giấy ủy quyền lập ngày 02/10/2020).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Xuân T, chị Trần Thị T1 và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân T và chị Trần Thị T1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện C, tỉnh Hải Dương ngày 17/02/2014. Vợ chồng có thời gian chung sống trước khi đăng ký kết hôn và sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là

do tính cách của vợ chồng không hòa hợp nên thường xảy ra cãi nhau. Anh T không nhất trí cho chị T1 đi xuất khẩu lao động nhưng chị T1 cố tình đi và chị T1 không chung thủy với anh. Chị T1 cho rằng anh T không quan tâm đến chị và thường xuyên uống rượu say, xúc phạm chị. Vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay anh T và chị T1 cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh T và chị Tuyền có 01 con chung là Nguyễn Xuân T2, sinh ngày 05/01/2010, hiện đang ở cùng anh T. Anh, chị thỏa thuận anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con thành niên; anh T tự nguyện không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị T1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

Con chung của anh T, chị Tuyền là Nguyễn Xuân T2 có nguyện vọng được ở với anh T trong trường hợp bố mẹ ly hôn.

Chị Trần Thị T1 hiện đang lao động tại Nhật Bản nên ủy quyền cho anh Nguyễn Xuân T thay mặt chị giao nhận các tài liệu cho Tòa án. Tại biên bản lấy lời khai, anh Nguyễn Xuân T nhất trí nhận sự ủy quyền của chị Tuyền về việc giao nhận các văn bản, tài liệu, anh T tự nguyện chịu cả tiền lệ phí giải quyết Việc dân sự (Hôn nhân và gia đình). Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, anh đã thông báo cho chị Tuyền biết, chị Tuyền vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn và thống nhất về việc nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng giải quyết việc dân sự và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết việc dân sự: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh T và chị T1; Về con chung: Chấp nhận thỏa thuận của anh T, chị T1, giao con Nguyễn Xuân T2 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên; anh T tự nguyện không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng cho con. Về lệ phí: Chấp nhận việc anh T tự nguyện chịu cả tiền lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Xuân T và chị Trần Thị T1 có đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung. Chị Trần Thị T1 hiện đang cư trú tại: H, -shi, -ku, Y 5-13-3-215 (Nhật Bản). Do vậy, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết, anh T và chị T2 đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Chị Trần Thị T1 không về Việt Nam tham gia tố tụng nhưng đã gửi đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và giấy ủy quyền đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Các tài liệu này đã được Tổng Lãnh sự quán Cộng hòa xã

hội chủ nghĩa Việt Nam tại Ô-sa-ka Nhật Bản chứng thực. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định ý chí, nguyện vọng ly hôn của chị Tuyền. Căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định mở phiên họp vắng mặt anh T và chị T1.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân T và chị Trần Thị T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện C, tỉnh Hải Dương ngày 17/02/2014, là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp được với nhau, không tôn trọng và không tin tưởng nhau trong cuộc sống. Vợ chồng thường xảy ra xô xát, cãi nhau. Anh T, chị T1 đã sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T và chị T1 cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đều thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh T và chị T1 là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về việc nuôi con: Anh T và chị T1 có một con chung là Nguyễn Xuân T2, sinh ngày 05/01/2010, hiện đang ở với anh T. Anh T, chị T1 thống nhất để anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh T tự nguyện không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng cho con. Con chung là Nguyễn Xuân T2 cũng có nguyện vọng được ở với anh T. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và không trái đạo đức xã hội, nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Xuân T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 149, Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Xuân T và chị Trần Thị T1.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Xuân T và chị Trần Thị T1, giao cho anh Nguyễn Xuân T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Xuân T2, sinh ngày 05/01/2010 cho đến khi con chung thành niên (tròn 18 tuổi). Anh Nguyễn Xuân T tự nguyện không yêu cầu chị Trần Thị T1 phải cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở chị Trần Thị T1 trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Về lệ phí: Anh Nguyễn Xuân T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình. Được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ theo biên lai thu số AA/2018/0004754 ngày 30/10/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Ng, huyện C, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân